

Số: 27 /2019/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 16 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2020
và hủy danh mục các dự án thu hồi đất quá 03 năm chưa thực hiện
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật Sửa đổi 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
Xét Tờ trình số 99/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 65/BC-HĐND-KTNS ngày 19 tháng 11 năm 2019 và Báo cáo thẩm tra số 77/BC-HĐND-KTNS ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

1. Thông qua danh mục 362 dự án cần thu hồi đất năm 2020 với tổng diện tích 13.713,9 ha vì mục đích quốc phòng, an ninh và để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bình Phước (chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo).

2. Hủy 101 danh mục các dự án thu hồi đất với tổng diện tích 829,99 ha đã quá 3 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước (chi tiết tại phụ lục 02 kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 26 tháng 12 năm 2019.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Phước và danh mục các dự án có thay đổi so với Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TN&MT, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm CNTT&TT;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.



Trần Ngọc Trai

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (tên địa phương)	Số tiền đền bù (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
I	Thành phố Đồng Xoài	2,634.98			6,169,731.00	639,617.00	438,806.00	5,091,308.00		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2017, 2018, 2019	524.02			1,981,221.00	630,267.00	435,806.00	915,148.00		
1	Căn cứ hậu cần kỹ thuật (ấp 4, xã Tiến Hưng)	31.46	CLN	Tiến Hưng	7,750	7,750			Công văn số 802/BCH-TM ngày 10/10/2016 của Bộ CHQS tỉnh	Đất của Cty cao su Đồng Phú
2	Thao trường, bãi tập cho Trường Quân sự địa phương	1.50	CLN+ONT	Tân Thành	525	525			Nghị quyết số 657/NQ-ĐU ngày 12/01/2018 của Đảng ủy Quân sự tỉnh	
3	Trụ sở Công an thành phố Đồng Xoài, Trường Tiểu học Tân Bình và KDC dịch vụ hỗn hợp tại phường Tân Bình	17.31	CLN+ODT	Tân Bình	59,100		59,100		Quyết định số 2433/QĐ-UBND ngày 25/6/2018; Quyết định số 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
4	Văn phòng Công ty Thủy điện Thác Mơ	1.00	DGD	Tân Phú	3,500	3,500			Vị trí tại trường Á Châu	
5	Khu Du lịch Hồ Suối Cam (giai đoạn 2)	159.98	CLN+NHK+ODT+ONT và Các loại đất khác	Tân Phú	479,940	479,940			Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 15/6/2018; Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 6/6/2019 của UBND tỉnh	
6	Trường Mầm non, Tiểu học, THCS và TĐC phường Tân Thiện	3.81	CLN+NHK+ODT	Tân Thiện	13,335		13,335		Quyết định 4352/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của UBND thị xã Đồng Xoài	
7	Đường Hai Bà Trưng nối dài (còn 07 hộ)	0.04	CLN + ODT	Tân Phú	115		115		Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
8	Đường quy hoạch số 18 (từ Lê Duẩn đến Võ Văn Tần)	0.50	CLN+NHK+ODT+LUA và các loại đất khác	Tân Bình	3,000		3,000		Quyết định 1592/QĐ-UBND ngày 18/8/2013 của UBND tỉnh; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã; Công văn số 389/UBND-KT ngày 18/2/2019 của UBND tỉnh.	
9	Đường số 11 (đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến TTTC phường Tân Đồng)	2.55	CLN+NHK+ODT+LUA và các loại đất khác	Tân Đồng	8,925		8,925		Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
10	Đường Nguyễn Huệ nối dài (TTVH Tân Đồng đến Hồ Xuân Hương)	6.90	CLN+ODT	Tân Đồng, Tân Phú	24,150		24,150		Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
11	Đường Lý Thường Kiệt nối dài (Phú Riềng Đỏ đến Nguyễn Huệ)	1.85	CLN+NHK+ODT	Tân Đồng	6,475		6,475		Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
12	Đường nối dài Đặng Thai Mai đến Lý Thường Kiệt	1.35	CLN+NHK+ODT	Tân Phú	4,725		4,725		Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 12/06/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
13	Đường từ khu dân cư Phú Thanh đến đường Lý Thường Kiệt (hoàn đổi đất)	0.05	CLN+ODT	Tân Phú	144		144		Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
14	Đường tránh nội ô TP.Đồng Xoài-Kết nối ĐT741 với QL14 (Đường Nguyễn Huệ)	9.80	CLN+ODT	Tân Xuân, Tân Thiện	34,300		34,300		Công văn số 84/HĐND-KT ngày 13/4/2017 của HĐND tỉnh; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
15	Đường quy hoạch số 1 (đoạn từ Nguyễn Huệ đến đường Lê Quý Đôn)	4.45	CLN+ODT+LUA và các loại đất khác	Tân Thiện	15,575		15,575		Quyết định 1054/QĐ-UBND ngày 24/04/2014 và Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
16	Đường quy hoạch số 2 (Quốc lộ 14 đến đường Trần Quang Khải)	4.96	CLN+NHK+ODT	Tân Thiện	17,360		17,360		Quyết định 3129/QĐ-UBND ngày 02/12/2017 và Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
17	Đường số 31 (đoạn tiếp giáp với đường Phú Riêng Đò)	1.40	CLN+ODT	Tân Bình	4,900		4,900		Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
18	Đường vành đai thành phố Đồng Xoài	38.40	CLN+ODT+ONT+LUA và các loại đất khác	Tân Bình, Tiến Thành, Tân Thành, Tân Xuân, Tân Thiện, Tân Đồng	134,400		134,400		Quyết định 1592/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 của UBND tỉnh; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
19	Đường dọc theo hai bên suối Tầm Vông	0.78	CLN	Tân Bình, Tân Xuân	2,730			2,730	Quyết định số 3549/QĐ-UBND ngày 5/9/2017 của UBND thị xã Đồng Xoài về phê duyệt đề án vận động giải tỏa xây bờ kè và làm đường 2 bên suối Tầm Vông giai đoạn 2017-2020	
20	Đường dọc theo hai bên suối Đồng Tiễn	4.50	CLN	Tân Đồng, Tân Thiện, Tân Xuân	15,750			15,750	Quyết định số 2496/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của UBND thị xã Đồng Xoài về phê duyệt đề án giải tỏa hành lang bảo vệ suối Đồng Tiễn giai đoạn 2017-2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
21	Đường Trường Chinh (đoạn từ QL14 đến đường vành đai KCN Đồng Xoài III; dài khoảng 3km)	9.60	CLN+ODT+ONT+LUA và các loại đất khác	Tân Bình, Tiến Hưng	33,600		33,600		Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
22	Đường Trần Phú nối dài (đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Phan Huy Ich)	1.70	CLN+NHK+ODT	Tân Phú	5,950		5,950		Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
23	Đường vào khu nhà ở xã hội	1.28	CLN+ONT	Tiến Hưng	4,480	4,480			Quyết định 3333/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh; Quyết định 1644/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh phê duyệt báo cáo KT-KT	
24	Đường nối từ khu nhà ở xã hội Tiến Hưng đến KCN ĐX III	2.56	CLN+ONT	Tiến Hưng	8,960		8,960		Tờ trình số 71/TTr-UBND ngày 03/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài về việc thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
25	Đường Trần Hưng Đạo nối dài (từ đường Trần Phú đến Lê Duẩn)	1.68	CLN+ODT	Tân Phú	10,920		10,920		Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của UBND tỉnh	
26	Đường đi vào nhà văn hóa khu phố Phước Hòa	0.10	CLN+HNK+ODT	Tân Thiện	350		350		Công văn số 2420/UBND-KT ngày 18/12/2018 của UBND thành phố Đồng Xoài	
27	Xây dựng đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa.	81.22	CLN+ONT	Tân Thành	284,270			284,270	Quyết định số 2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh; Văn bản số 142/BQLDA-KHTH ngày 15/8/2018 của Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh	
28	Tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa (Đường số 30)	3.61	CLN+NHK+ODT	Tân Bình	12,635	12,635			Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 18/10/2010 của UBND tỉnh; Văn bản đăng ký số 248/BQLDA-KHTH ngày 17/8/2018 của Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và CN tỉnh	
29	Đường số 7 (đoạn còn lại) và một số tuyến khác thuộc KDC phía Bắc tỉnh lỵ	0.83	CLN+ODT	Tân Phú	2,905	2,905			Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh; Văn bản đăng ký số 248/BQLDA-KHTH ngày 17/8/2018 của Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và CN tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
30	Đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	15.16	CLN+NHK+OD T+ONT	Tiến Thành, Tiến Hưng	53,060	53,060			Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh; Văn bản số 142/BQLDA-KHTH ngày 15/8/2018 của Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh	
31	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 (đoạn Bàu Tru - Đồng Xoài)	5.10	CLN+ODT+ONT	Tiến Hưng, Tân Bình, Tân Xuân	17,850			17,850	Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh; Văn bản số 01/BTĐX-KHKT ngày 02/01/2019 của Công ty TNHH BOT ĐT741	
32	Đường từ Lý Thường Kiệt đến Hồ Xuân Hương	3.08	CLN+NHK+OD T	Tân Phú	10,780		10,780		Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã (nay là UBND thành phố)	
33	Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Âu Cơ)	0.73	CLN+NHK+OD T	Tân Phú	2,555		2,555		Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
34	Đường dọc theo hai bên suối Cái Bè	3.82	CLN+NHK	Tân Bình, Tân Xuân	13,370			13,370	Quyết định số 2158/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của UBND thị xã (nay là UBND thành phố) phê duyệt đề án xây dựng bờ kè và làm đường 2 bên suối Cái Bè giai đoạn 2018-2020	
35	Đường dọc theo hai bên suối Mơ	0.18	CLN+HNK	Tân Phú	630			630	Đề án giải tỏa hành lang bảo vệ suối Mơ giai đoạn 2019-2020	
36	Đường dọc theo hai bên suối Đá	9.00	CLN+HNK	Tân Xuân	31,500			31,500	Đề án vận động giải tỏa hành lang bảo vệ suối Đá giai đoạn 2019-2020	
37	Đường dọc theo hai bên suối Tà Bàng	1.70	CLN+HNK	Tiến Thành	5,950			5,950	Đề án giải tỏa hành lang bảo vệ suối Tà Bàng giai đoạn 2019-2020	
38	Xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	5.55	CLN+NHK+OD T	Tân Phú	19,425	19,425			Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của UBND tỉnh; Văn bản đăng ký số 248/BQLDA-KHTH ngày 17/8/2018 của Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và CN tỉnh	
39	Hệ thống thoát nước (từ đường quy hoạch số 2 đến suối Rạt); khoảng 550m	4.05	CLN+NHK+OD T	Tân Thiện	14,175		14,175		Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
40	Mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Đồng Xoài II	0.06	CLN	Tiến Thành	94			94	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của HĐND tỉnh Bình Phước	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
41	Mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Đồng Xoài III	0.31	CLN+NHK	Tiến Hưng, Tiến Thành	1,085	1,085			Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh; Văn bản số 248/BQLDA-KHTH ngày 17/8/2018 của Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
42	Dự án Kè chống xói lở và đê chống lũ Suối Rát	2.34	CLN+NHK+ODT	Tân Đồng, Tân Thiện	8,190	8,190			Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 25/6/2010 của UBND tỉnh	
43	Trạm 110/22kV Đồng Xoài 2 và đường dây đầu nối	0.46	CLN+ODT và các loại đất khác	Tiến Thành	1,710	1,710			Công văn số 1780/PCBP-KT ngày 4/7/2019 của Công ty Điện lực Bình Phước	
44	Chợ đầu mối nông sản tỉnh Bình Phước	10.00	CLN+NHK+ONT	Tiến Hưng	35,000	35,000			Công văn số 1430/UBND-KT ngày 08/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
45	Nhà máy xử lý nước thải phường Tân Xuân (còn 1 hộ)	0.01	CLN+ODT	Tân Xuân	62	62				
46	TTHC phường Tân Đồng (phần còn lại 05 hộ)	0.35	CLN+ODT	Tân Đồng	2,762		2,762		Công văn số 1287/UBND-KTN ngày 27/4/2012 của UBND tỉnh BP; QĐ số 2641/QĐ-UBND ngày 01/8/2012 của UBND thị xã Đồng Xoài	
47	Nghĩa trang nhân dân Đồng Xoài II tại ấp Bưng Sẻ, Tân Thành	5.50	CLN+NHK+ONT	Tân Thành	19,250		19,250		Quyết định số 3633/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
48	Dự án Khu đô thị mới và Công viên trung tâm Đồng Xoài	49.36	CLN+ODT+LUA và các loại đất khác	Tân Bình	543,004			543,004	Quyết định 459/QĐ-UBND ngày 07/3/2017; Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 21/02/2018 của UBND tỉnh	
49	Dự án Khu đô thị mới-Công viên trung tâm Đồng Xoài.	9.90	LUA	Tân Bình					Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 19/8/2013; Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt QHCT 1/500.	Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh;
50	Đường quy hoạch số 1 (đoạn từ Nguyễn Huệ đến đường Lê Quý Đôn).	2.20	LUA	Tân Thiện					Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 24/4/2014; Quyết định số 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài (nay là UBND thành phố).	Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh;

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
b	Các dự án đăng ký mới năm 2020	2,110.96			4,188,510.00	9,350.00	3,000.00	4,176,160.00		
1	Thao trường huấn luyện (ấp 6, xã Tiến Hưng)	18.00	CLN	Tiến Hưng	4,500	4,500			Công văn đăng ký nhu cầu năm 2020 của Ban CHQS thành phố	Đất của Cty cao su Đồng Phú
2	Căn cứ chiến đấu (Khu phố Bung Trang, Phường Tiến Thành)	18.00	CLN	Tiến Thành	4,500	4,500			Công văn đăng ký nhu cầu năm 2020 của Ban CHQS thành phố	Đất của Cty cao su Đồng Phú
3	Xây dựng vỉa hè đường Nguyễn Huệ (đoạn từ QL14 đến đường Phú Riềng Đỏ)	4.19	CLN	Tân Xuân, Tân Thiện	14,665			14,665	Quyết định 2480a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt CTĐT	
4	Đường vào trại giam An Phước	4.96	CLN	Tiến Hưng	17,360			17,360	Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 13/8/2019 của UBND thành phố về việc thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư	
5	Đường Quy hoạch số 3, phường Tân Đồng (phân phát sinh)	0.20	CLN+NHK+OD T+LUA và các loại đất khác	Tân Đồng	3,000		3,000		Quyết định số 2149/QĐ-UBND ngày 12/6/2018; Công văn số 391/UBND-KT ngày 09/3/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
6	Đường hai bên suối Cầu Khì và suối Rinh, xã Tiến Hưng	2.25	CLN+NHK	Tiến Hưng	7,875			7,875	Công văn 1024/UBND-KT ngày 12/6/2019 của UBND thành phố Đồng Xoài	
7	Đường giao thông theo cơ chế đặc thù thiết kế mẫu (nhà nước và nhân dân cùng làm)	32.50	CLN+NHK	06 phường, 02 xã	102,400			102,400	Chương trình hành động số 05-CT/TU ngày 01/7/2016 của Thị ủy (nay là Thành ủy Đồng Xoài)	
8	Hệ thống thoát nước bên hông Nhà văn hóa khu phố Tân Tiến, phường Tân Xuân	0.16	CLN	Tân Xuân	560			560	Thông báo số 795/TB-UBND ngày 05/6/2019 của UBND Thành Phố Đồng Xoài	
9	Dự án thủy lợi Phước Hòa - Hạng mục ngập phát sinh lòng hồ	0.10	CLN	Tân Thành	350	350			Công văn số 417/BQLDA-KHTH ngày 29/7/2019 của Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
10	Khu dân cư và hồ điều hòa phường Tân Thiện	31.10	CLN+NHK+OD T+LUA và các loại đất khác	Tân Thiện	93,300			93,300	Quyết định 1939/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND thành phố	
11	Khu đô thị mới kết hợp KDL nghỉ dưỡng hồ suối Cam	1,755.00	CLN+NHK+OD T+LUA và các loại đất khác	Tân Phú, Tiến Thành, Tân Thành	3,940,000			3,940,000	Công văn số 389/UBND-KT ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh	
12	Cụm công nghiệp Tiến Hưng	57.50	CLN	Tiến Hưng					Thông báo số 2958/TB-TU ngày 07/8/2019 và Kết luận số 3005-TB/TU ngày 26/8/2019 của Tỉnh ủy	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
13	Mở rộng KCN Bắc Đồng Phú	187.00	CLN	Tiến Hưng					Công văn số 3212/UBND-KT ngày 01/11/2019	
II	Thị xã Bình Long	265.06			100,133.31	55,437.01	44,096.30			
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016, 2017, 2018	233.69			100,133.31	55,437.01	44,096.30			
1	Nâng cấp mở rộng ĐT 752 đoạn thị xã đi Trường chuyên Bình Long	1.71	CLN, HNK, ODT	Phường An Lộc	410		410		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
2	Đường mang song song đường ALT13 khu phố An Bình qua thửa 223;224;232;237;240 tờ số 23	0.02	CLN	Phường An Lộc	9		9		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
3	Mương từ đường bê tông đến đường Đoàn Thị Điểm - ĐT 752	0.04	CLN	Phường An Lộc	18		18		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
4	Cải tạo chợ Bình Long	1.90	ODT	Phường An Lộc	22,800		22,800		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
5	Đường Bùi Thị Xuân nối dài (320m)	0.34	CLN, HNK	Phường An Lộc	99		99		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
6	Khu dân cư phía Tây thị xã Bình Long	8.23	CLN	Phường An Lộc, Hưng Chiến	2,672	2,672			Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017, Công văn số 528/BQL-QHXD ngày 02/8/2017 của Ban QLKKT	
7	Mở rộng Trường tiểu học Thanh Bình	1.14	CLN	Hưng Chiến	481.50		481.50		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017 Quyết định 577/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND thị xã	
8	Trường THPT Bình Long	9.00	CLN	Phường Hưng Chiến	4,050	4,050			Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017, Công văn số 528/BQL-QHXD ngày 02/8/2017 của Ban QLKKT	
9	Khu Trung tâm hành chính thị xã	42.70	CLN	Phường Hưng Chiến	16,215		16,215		CV số 3238/UBND-KT ngày 27/9/2017 của UBND tỉnh	
10	Khu đô thị mới Nam An Lộc	94.36	CLN	Phường Hưng Chiến, Phú Đức	33,911	33,911			Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
11	Xây dựng mương thoát nước 1,6 m thửa số 23, tờ bản đồ 51	0.01	CLN	Phường Phú Đức	5		5		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
12	Khu dân cư phía Đông thị xã Bình Long	5.51	CLN	Phường Phú Thịnh, Phú Đức	2,484	2,484			Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017, Công văn số 528/BQL-QHXS ngày 02/8/2017 của Ban QLKK	
13	Chợ Thanh Lương	0.79	CLN	Xã Thanh Lương	174		174		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
14	Trường PTTH Nguyễn Huệ	6.00	CLN	Xã Thanh Phú	1,320	1,320			Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017	
15	Đường Thanh Xuân - Thanh Sơn (2000m)	1.20	CLN	Xã Thanh Phú	264		264		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
16	Đường giao thông và khuôn viên cây xanh	0.50	CLN	Phường An Lộc	0				Thửa số 444, tờ 1	
17	Dự án vùng đệm Nhà máy xi măng Bình Phước	2.14	CLN	Xã Thanh Lương	600			600		
18	Cụm công nghiệp Thanh Lương	20.00	CLN	Xã Thanh Lương	5,500	5,500			Quyết định 420/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh	
19	Đường giao thông và khuôn viên cây xanh	0.66	CLN	Phường Hưng Chiến	0				Thửa số 9, tờ 54; thửa số 29, tờ 55	
20	Quảng trường Trung tâm hành chính mới	0.53	ODT	Hưng Chiến					Thông báo 235/TB-UBND ngày 19/10/2018 của UBND thị xã	
21	Sắp xếp, bố trí các khu dân cư trên đất cao su đã giao địa phương.	4.67	CLN	Phường Phú Đức, Phú Thịnh	0				QĐ 2072/QĐ-UBND ngày 11/5/2013 của UBND tỉnh	
22	Xây dựng, nâng cấp đường Hai Bà Trưng nối dài	2.00	CLN	Phường Phú Thịnh	800		800		Thông báo 425-TB/KL ngày 7/5/2018 của Thường trực Thị Ủy	
23	Xây dựng đường từ Ngã ba cây sung đến mốc tiếp giáp 3 mặt phường Phú Thịnh - Thanh Phú - Tân Lợi	1.60	CLN	Phường Phú Thịnh	640		640		Thông báo 425-TB/KL ngày 7/5/2018 của Thường trực Thị Ủy	
24	Xây dựng đường bờ kè cấp suối từ đường Bà Triệu đến khu mỏ đá Phú Lạc	0.70	CLN	Phường Phú Thịnh	0				Thông báo 425-TB/KL ngày 7/5/2018 của Thường trực Thị Ủy	
25	Trạm biến áp và đường dây 220 KV điện mặt trời Lộc Ninh - Bình Long 2	3.28	CLN	Xã Thanh Lương	900		900		QH điện mặt trời của tỉnh	
26	Đường dây 110 kV trạm 220 kV Bình Long 2 - Bình Long	2.66	CLN	Xã Thanh Lương, Thanh Phú	732		732		Sở Công thương đăng ký	
27	Cụm công nghiệp Thanh Phú	20.00	CLN	Xã Thanh Phú	5,500	5,500			Quyết định 420/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh	
28	Trung tâm Văn hóa xã Thanh Phú	2.00	CLN	Xã Thanh Phú	550		550			

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
b	Các dự án đăng ký mới năm 2020	31.37								
1	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài (đoạn từ QL 13 đến giáp ranh xã Tân Lợi, Hòn Quán)	9.60	CLN	Phường Phú Thịnh, xã Thanh Phú	20,000	20,000			Kết luận số 292-KL/TU ngày 04/5/2019 của Tỉnh ủy Bình Phước	
2	Nạo vét suối giáp ranh phường An Lộc và xã Thanh Phú	4.50	CLN	Phường An Lộc					Công văn 1477/UBND-KT ngày 13/9/2019 của UBND thị xã Bình Long	
3	Đất công ty cao su giao về địa phương để thực hiện kết nối khu dân cư	15.00	CLN	Phường An Lộc, phường Hưng Chiến	2,250	2,250			Công văn 352 - KL/Tu ngày 30/9/2019 của Tỉnh Ủy Bình Phước	
4	Mở rộng tuyến đường giáp ranh giữa lô cao su nhà nước và các hộ dân từ tổ 1 đến tổ 4 thuộc Kp. Đông Phát (giáp ranh xã Thanh Bình, Hòn Quán)	2.27	CLN	Hưng Chiến	340		340		Công văn 664 - CV/TU ngày 24/5/2019 của Thị Ủy Bình Long	
III	Thị xã Phước Long	86.45			84,593.00		84,593.00			
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2017, 2018, 2019	56.50			18,642		18,642			
1	Nâng cấp đường từ đường ĐT 759 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	0.60	CLN	P. Phước Bình	660		660		Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 05/8/2019	
2	Xây dựng HTTN, vỉa hè, mở rộng đường từ ĐT 741 đi Nhà Tầm - Suối Minh	0.25	CLN	P. Long Phước	275		275		Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 17/8/2018	
3	Đầu nối hệ thống thoát nước mưa các tuyến đường tiếp nối TTHC đến đường ĐT 759	0.24	CLN	P. Long Phước	264		264		Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 17/8/2018	
4	Nâng cấp đường từ TTHC đến hồ Đaktol	0.30	CLN	P. Phước Bình	330		330		Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 17/8/2018	
5	Khai thông ngập úng cánh đồng Sơn Long	8.03	CLN	P. Sơn Giang, P. Long Thủy, P. Long Giang, P. Thác Mơ	8,833		8,833		Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 17/8/2018	
6	Giải phóng mặt bằng, mở rộng nghĩa trang nhân dân tại xã Long Giang	5.80	CLN	Xã Long Giang	6,380		6,380		Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 17/8/2018	
7	Đường cứu nạn Sơn Long	0.17	CLN	P. Sơn Giang	250		250		Quyết định 1237/QĐ-UBND ngày 11/6/2019	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
8	Đường Nhơn hòa 1 đi Long Thủy	0.91	ONT, CLN	xã Long Giang	250		250		Quyết định 1237/QĐ-UBND ngày 11/6/2020	
9	Trạm xử lý nước thải Phía tây Dự án TTHC&KĐTM	0.19	CLN	P Long Phước	1,400		1,400		992/QĐ-UBND ngày 22/7/2019	
10	Khu phố Thương mại dịch vụ Long Phước	40.00	CLN	P Long Phước						
b	Các dự án đăng ký mới năm 2020	29.95			65,951.0		65,951.0			
1	Hoàn thiện hạ lưu các cống thoát nước trên tuyến đường ĐT 759 và ĐT 741	0.40	CLN	P. Phước Bình	440		440		Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 05/8/2019	
2	XD đường vành đai 1 từ Long Điền - P. Long Phước đi Long Giang, P. Long Thủy (phía Bắc ĐT 741)	11.60	ONT, CLN	P. Sơn Giang, P. Long Thủy, P. Long Giang, P. Long Phước	43,410		43,410		Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 05/8/2019	
3	Xây dựng đường vành đai 2 từ Phước Vĩnh P. Phước Bình đến Sơn Long P. Sơn Giang (phía nam ĐT 741) – Giai đoạn 2	0.89		P. Sơn Giang, P. Phước Bình	3,335		3,335		Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 05/8/2019	
4	Khôi phục di tích nhà tù Bà Rá	6.09	CLN	P. Sơn Giang	6,699		6,699		Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 05/8/2019	
5	XD khu di tích cây Khế - Bà Định	5.17	CLN	P. Sơn Giang	5,687		5,687		Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 05/8/2019	
6	Mở rộng Nhĩa trang Long Giang	5.80	CLN	Xã Long Giang	6,380		6,380			
IV	Huyện Chơn Thành	6,152.88			923,616.05	375,250.00	14,566.65	533,799.40		
a	Các dự án chuyển tiếp từ 2017, 2018, 2019	1,338.82			908,885.0	375,250.0		533,635.0		
1	Khách sạn và khu dân cư văn phòng Tỉnh ủy	20.00	CLN	Xã Minh Hưng	10,000.0	10,000.0				Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 11/6/2017)
2	Mở rộng Khu công nghiệp Minh Hưng III	577.53	CLN	Xã Minh Hưng	231,012.0			231,012.0		Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 11/6/2017)
3	Nối tiếp hạ lưu mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng - Hàn Quốc	4.16	CLN	Xã Minh Hưng	1,664.0			1,664.0		Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 11/6/2017)

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
4	Thu hồi bổ sung lòng hồ Phước Hòa	15.00	CLN	Xã Minh Lập, Nha Bích, Minh Thắng, Minh Thành	5,250.0	5,250.0				Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)
5	Khu dân cư Minh Thành	20.00	ONT+CLN	Xã Minh Thành	10,400.0			10,400.0	QĐ: 1818/QĐ-UBND ngày 28/07/2017 của UBND tỉnh	Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)
6	Móng trụ đường dây 500KV đầu nối	0.09	CLN	Xã Minh Thành	34.0			34.0		Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)
7	Trạm biến áp 500KV	20.07	CLN	Xã Minh Thành	8,028.0			8,028.0		Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)
8	Móng trụ đường dây 220KV đầu nối	1.11	CLN	Xã Minh Thành, Nha Bích, Minh Hưng, Thành Tâm, TT, Chơn Thành	444.0			444.0		Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)
9	NVH ấp 1, ấp Hòa Vinh 2	0.05	CLN	Xã Thành Tâm	20.0			20.0		Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)
10	Xây dựng đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	458.47	CLN	Xã Minh Thành, Minh Thắng, Minh Lập, Nha Bích	320,000.0	320,000.0				Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 12/07/2018)
11	Khu chợ đầu mối, TTMT và Khu dân cư Chơn Thành	161.42	ODT+CLN	TT. Chơn Thành					UBND tỉnh đã thu hồi chủ trương đầu tư: 1324/UBND-TH ngày 20/05/2019	
12	Xây dựng hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Becamex	40.00	CLN	Xã Nha Bích, Minh Thành	40,000.0	40,000.0			Quyết định Chủ trương đầu tư: Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 07/07/2018 của UBND tỉnh	Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/07/2018)

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
13	Công trình Lộ ra 110KV sau Trạm biến áp 220KV Chơn Thành	0.80	CLN	Xã Nha Bích, Minh Thành	112,033.0			112,033.0	Quyết định số 886/QĐ-BCT ngày 17/03/2017 của Bộ Công Thương	Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)
14	Khu dân cư Minh Hưng	20.00	ONT+CLN	Xã Minh Hưng	170,000.0			170,000.0	Quyết định Chủ trương đầu tư: Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh	
15	Khu đất xây dựng Văn phòng ấp 1	0.04	CLN	Xã Minh Lập						Đất Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
16	Khu đất xây dựng Văn phòng ấp 3	0.04	CLN	Xã Minh Lập						Đất Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
17	Khu đất xây dựng Văn phòng ấp 4	0.04	CLN	Xã Minh Lập						Đất Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
b	Dự án Đăng ký mới 2020	4,814.06			14,731.0		14,566.6	164.4		
1	Thu hồi đoạn đường giao thông không sử dụng để mở rộng xây dựng nhà văn hóa ấp 4	0.03	DGT	Xã Minh Thành					Thông báo số 1169-TB/HU ngày 18/03/2019 của Huyện ủy Chơn Thành	UBND tỉnh chấp thuận thực hiện trong năm 2019 tại Quyết định số 1780/QĐ-UBND ngày
2	Mở rộng TTHC huyện Chơn Thành	22.05	ODT, CLN, DGT, SON	TT. Chơn Thành	14,566.6		14,566.6		Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Chơn Thành về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019	UBND tỉnh chấp thuận thực hiện trong năm 2019 tại Quyết định số 1780/QĐ-UBND ngày 27/08/2018
3	Công trình Trạm 110kV Becamex và đường dây đầu nối	0.35	CLN	Xã Minh Thành, thị trấn Chơn Thành	140.0			140.0	Công văn số 3546/UBND-TH của UBND tỉnh	
4	Công trình đường dây 500kV Đức Hòa - Chơn Thành	0.61	CLN	Xã Minh Thành	24.4			24.4	Công văn số 3546/UBND-TH ngày 15/08/2014 của UBND tỉnh	
5	Xây dựng đường phi Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	6.96	ONT, CLN, DGT	Xã Minh Hưng, xã Minh Long					Công văn số 531/BQLDA-KHTH ngày 12/09/2019 của BQLDA Đầu tư xây dựng	
6	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	3.50	ONT, CLN, DGT	Xã Minh Lập					Công văn số 531/BQLDA-KHTH ngày 12/09/2019 của BQLDA Đầu tư xây dựng	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
7	Cụm Công nghiệp Minh Hưng 1	40.00	CLN	Xã Minh Hưng	4.0		4.0		Quyết định 420/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh	
8	Cụm Công nghiệp Minh Hưng 2	32.70	CLN	Xã Minh Hưng	3.0		3.0		Quyết định 420/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh	
9	Cụm Công nghiệp Nha Bích	74.59	CLN	Xã Nha Bích					Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 14/6/2019 của UBND huyện Chơn Thành	
10	Đất TMDV dân cư Becamex	2,208.27	CLN	Xã Minh Thành, Thành tâm, Nha Bích, TT. Chơn Thành	1,908,875.0			1,908,875.0	Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)	
11	Khu công nghiệp và dân cư Becamex	2,425.00	CLN	Xã Minh Thành, TT. Chơn Thành	2,138,782.0			2,138,782.0	Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)	
V	Huyện Hớn Quản	1,708.06			978,528.42	143,625.52	103,298.50	731,604.40		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2017, 2018, 2019	1,473.67	0.00	0.00	824,997.90	53,200.00	103,298.50	668,499.40		
1	Mỏ đá vôi Thanh Lương (198,06ha trên 2 xã An Phú, Minh Tâm)	176.00	CLN	Xã An Phú	184,800			184,800	Quyết định số 1065/QĐ-TTg ngày 09/7/2010 của Thủ tướng CP	Đã thu hồi 45,6/176ha
2	Đường điện 220KV Bình Long - Tây Ninh	0.34	CLN	Xã An Phú	357			357	Công văn số 3490/UBND-KHTH ngày 16/10/2014 của UBND tỉnh	
3	Mở rộng nghĩa địa ấp 3	1.00	CLN	Xã Đồng Nơ	800		800		Biên bản ngày 16/10/2017 giữa Công ty TNHH MTV cao su Bình Long và UBND huyện	
4	Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico	655.00	RSX	Xã Đồng Nơ	202			202	Công văn số 2162/TTg-KTN ngày 26/11/2015 của Thủ tướng CP	
5	Mỏ đá vôi Thanh Lương	22.06	CLN	Xã Minh Tâm	23,163			23,163	Quyết định số 1065/QĐ-TTg ngày 09/7/2010 của Thủ tướng CP	Đã thu hồi 6,8/22,06ha.
6	Nhà máy xi măng Minh Tâm (giai đoạn 1) - Hạng mục mỏ vật liệu trạm đập	60.68	CLN	Xã Minh Tâm	63,714			63,714	Công văn số 676/UBND-KTN ngày 28/3/2016 của UBND tỉnh	Đã thu hồi 40,1/60,68ha
7	Khu xử lý chất thải rắn	35.00	CLN	Xã Minh Tâm	36,750			36,750	Công văn số 4164/UBND-KT ngày 07/12/2017 của UBND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
8	Đường điện 220KV Bình Long - Tây Ninh	0.14	CLN	Xã Minh Tâm	147			147	Công văn số 3490/UBND-KHTH ngày 16/10/2014 của UBND tỉnh	Đã thu hồi đất, GPMB xong. Đăng ký để có căn cứ cho chủ đầu tư thuê đất. Năm 2017, 2018 có đăng ký nhưng năm 2019 không đăng ký. Nay năm 2020 đăng ký lại
9	Khu dân cư Phước An	5.40	CLN	Xã Phước An	1,200		1,200		Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND tỉnh	Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất. Tổ chức đấu giá thực hiện khu dân cư
10	Đường điện Phước An - Tân Quan	2.17	CLN	Xã Phước An	1,736		1,736			BQLKKT đăng ký. Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất
11	Mở rộng Trường THCS Phước An	1.10	CLN	Xã Phước An	880		880		Biên bản ngày 16/10/2017 giữa Công ty TNHH MTV cao su Bình Long và UBND huyện	Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất
12	Trường Tiểu học Phước An B	1.50	CLN	Xã Phước An	1,200		1,200		Biên bản ngày 16/10/2017 giữa Công ty TNHH MTV cao su Bình Long và UBND huyện	Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất
13	QH chợ	1.69	CLN	Xã Tân Hiệp	1,775		1,775		Công văn số 1366/UBND-KSX ngày 20/8/2019 của UBND huyện	
14	Trường Tiểu học Tân Hưng B	2.00	CLN	Xã Tân Hưng	1,600		1,600		Biên bản ngày 16/10/2017 giữa Công ty TNHH MTV cao su Bình Long và UBND huyện	Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất
15	Đường điện tổ trung, hạ thế	1.70	CLN	Xã Tân Hưng	1,360		1,360		Công văn số 119/UBND-KSX ngày 03/10/2018 của UBND huyện	Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất
16	Đường từ ĐT 756 vào Trại heo của Công ty TNHH Chăn nuôi New Hope	1.40	CLN	Xã Tân Hưng	1,390			1,390	Công văn số 1379/UBND-KSX ngày 03/10/2018 của UBND huyện	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
17	Bãi rác Tân Hưng	2.00	CLN	Xã Tân Hưng	1,600		1,600			Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất. BQLKKT đăng ký
18	Dự án thành phần 03, dự án LRAMP	0.13	CLN	Xã Tân Hưng					Quyết định số 643/QĐ-TCĐBVN ngày 25/3/2019 của Tổng cục đường bộ	BQLDA tỉnh đăng ký
19	Căn cứ hậu cần kỹ thuật BCHQS huyện Hớn Quản	30.00	CLN	Xã Tân Hưng	24,000	24,000				
20	Khu công nghiệp Tân Khai II	160.00	CLN	Thị trấn Tân Khai	128,000			128,000	Công văn số 2162/TTg-KTN ngày 26/11/2015 của Thủ tướng CP	Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất
21	Đường từ QL13 vào KCN Tân Khai II	8.10	CLN, ODT	Thị trấn Tân Khai	29,200	29,200			Quyết định số 2779/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh	BQLDA tỉnh đăng ký
22	Trục chính Bắc Nam nối dài (Giai đoạn 1)	2.90	CLN	Thị trấn Tân Khai	17,400		17,400		Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 02/3/2010 của UBND tỉnh	Đã thu hồi 2,67/ 2,9ha
23	Trục chính Bắc Nam (giai đoạn 3), TTVH-TDĐT huyện Hớn Quản và đường Đông Tây 9	11.70	CLN, ONT	Thị trấn Tân Khai	70,200		70,200		Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 02/3/2010 của UBND tỉnh	Đã thu hồi 11,49/ 11,7ha
24	Đường Đông Tây 7 nối dài	0.03	CLN	Thị trấn Tân Khai	180		180		Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 02/3/2010 của UBND tỉnh	Trước đó chủ trương nhưng nay Khu dân cư Tân Khai triển khai lại nên cần thiết đưa vào
25	Nghĩa trang Tân Lợi	2.00	CLN	Xã Tân Lợi	1,600		1,600			Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất
26	Mở rộng Trường THCS Tân Lợi	0.16	CLN	Xã Tân Lợi	168		168		Công văn số 1811/UBND-KSX ngày 14/11/2017 của UBND huyện	
27	Trường mầm non Tân Quan	1.00	CLN	Xã Tân Quan	800		800		Biên bản ngày 16/10/2017 giữa Công ty TNHH MTV cao su Bình Long và UBND huyện	Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất
28	Trường mầm non Trà Thanh	1.00	CLN	Xã Thanh An	800		800		Biên bản ngày 16/10/2017 giữa Công ty TNHH MTV cao su Bình Long và UBND huyện	Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
29	Khu dân cư Việt Kiều	45.52	CLN	Xã Thanh Bình	36,416			36,416		Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất. BQLKKT đăng ký
30	Đất phát triển công trình công cộng	241.95	CLN	Xã Thanh Bình	193,560			193,560		Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất. BQLKKT đăng ký
b	Các dự án đăng ký mới năm 2020	234.39			153,531	90,426	0	63,105		
1	Nhà máy điện mặt trời GRANDSOLAR	60.00	CLN	Xã An Khương	63,000			63,000	Công văn số 1895/UBND-KT ngày 03/7/2019 của UBND tỉnh	Doanh nghiệp đăng ký từ năm 2019
2	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành-Hoa Lư	32.76	CLN, ONT, DGT	Xã An Phú	17,985	17,985			Công văn số 210/HĐND-KT ngày 22/10/2019 của HĐND tỉnh	BQLDA tỉnh đăng ký
3	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành-Hoa Lư	24.57	CLN, ONT, DGT	Xã Đồng Nơ	13,489	13,489			Công văn số 210/HĐND-KT ngày 22/10/2019 của HĐND tỉnh	BQLDA tỉnh đăng ký
4	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành-Hoa Lư	49.14	CLN, ONT, DGT	Xã Minh Tâm	26,978	26,978			Công văn số 210/HĐND-KT ngày 22/10/2019 của HĐND tỉnh	BQLDA tỉnh đăng ký
5	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành-Hoa Lư	32.76	CLN, ONT, DGT	Xã Tân Hiệp	17,985	17,985			Công văn số 210/HĐND-KT ngày 22/10/2019 của HĐND tỉnh	BQLDA tỉnh đăng ký
6	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành-Hoa Lư	24.57	CLN, ONT, DGT	Xã Minh Đức	13,489	13,489			Công văn số 210/HĐND-KT ngày 22/10/2019 của HĐND tỉnh	BQLDA tỉnh đăng ký
7	Hỗ trợ phát triển biên giới - Tiêu dự án tỉnh Bình Phước	1.05	CLN, ONT, DGT	Xã Tân Lợi	50	50			Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh	BQLDA tỉnh đăng ký
8	Xây dựng móng trụ đường dây Bình Long 2- Srok Phu Miêng	0.10	CLN	Xã Thanh An	105			105	Công văn số 939/UBND-KSX ngày 05/6/2019 của UBND huyện	Hiện còn 1 móng trụ chưa thu hồi đất được nên năm 2020 đưa vô
9	Hỗ trợ phát triển biên giới - Tiêu dự án tỉnh Bình Phước	4.72	CLN, ONT, DGT	Xã Thanh An	225	225			Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh	BQLDA tỉnh đăng ký
10	Hỗ trợ phát triển biên giới - Tiêu dự án tỉnh Bình Phước	4.72	CLN, ONT, DGT	Xã Tân Hưng	225	225			Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh	BQLDA tỉnh đăng ký
VI	Huyện Bù Gia Mập	184.78			43,030.00	0.00	43,030.00	0.00		

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2017, 2018, 2019	120.36			39,100.00	0.00	39,100.00	0.00		
1	Khu căn cứ hậu cần kỹ thuật	1.30	CLN	xã Phú Nghĩa	2,600		2,600		Quyết định số 878/QĐ-BTL ngày 30/4/2018 của Bộ tư lệnh quân khu 7 về việc quy hoạch vị trí đóng quân Căn cứ Hậu cần – Kỹ thuật Ban CHQS huyện Bù Gia Mập/Bộ CHQS tỉnh Bình Phước;	
2	Mở rộng công an huyện	0.70	CLN	xã Phú Nghĩa	400		400		Đã được thông qua tại Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Trung tâm Văn hóa TDTT (khu A11, A12, A16)	7.11	CLN	xã Phú Nghĩa	2,000		2,000		Quyết định số 3350/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Trung tâm văn hóa – Thể dục, Thể thao, Trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập	
4	Đường và cầu từ ĐT 759 đến TT xã Phước Minh	4.20	CLN	xã Phước Minh	1,000		1,000		QĐ số 1250/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
5	Nghĩa địa thôn Bình Tân	1.00	CLN	xã Phước Minh	500		500		Công văn số 650/UBND-SX ngày 13/9/2018 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc thực hiện công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng khu đất quy hoạch nghĩa địa	
6	Mở rộng chợ Phú Văn	1.13	CLN	xã Phú Văn	7,000		7,000		Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND huyện Bù Gia Mập v/v phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết chợ Phú Văn	
7	Trạm 110kv và Đường dây đầu nối	0.53	CLN	xã Phú Văn	500		500		Đã được thông qua tại Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
8	Trường mẫu giáo Ánh Dương	0.90	CLN	xã Đăk O	400		400		Đã được thông qua tại Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
9	Nghĩa địa thôn Bình Hà 2	1.00	CLN	xã Đa Kìa	500		500		Công văn số 650/UBND-SX ngày 13/9/2018 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc thực hiện công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng khu đất quy hoạch nghĩa địa	
10	Mở rộng điểm mẫu giáo Hòa Mỹ	2.00	CLN	xã Phước Minh	1,000		1,000		Đã được thông qua tại Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua các dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Phước	
12	Cụm TTCN Phú Nghĩa 2	49.30	CLN	Xã Phú Nghĩa	9,200		9,200		QĐ 420/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh	
13	TT thể dục - thể thao	1.00	CLN	Xã Phú Văn	500		500		QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDĐ đến năm 2020	
14	Xây dựng đường dây tải điện từ thôn Bình Giai đến thôn Bình Tiến 2 xã Phước - Minh	2.40	CLN	Xã Phước Minh	1,200		1,200		Biên bản ngày 29/5/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường	
15	Chợ Đăk Ô	1.25	CLN, ONT	Xã Đăk Ô	2,000		2,000		Đã được thông qua tại Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Đất công huyện quản lý
16	Khu dân cư khu 6 - TTHC (C8)	2.13	CLN	Phú Nghĩa	2,000		2,000		Công văn số 78/UBND-KT ngày 20/2/2019 của UBND huyện V/v thuận chủ trương lập đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu sản xuất rau sạch và khu dân cư khu 6 TTHCH	
17	Cụm công nghiệp Phú Nghĩa 3	44.30	CLN	Phú Nghĩa	8,000		8,000		Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND huyện về việc phê duyệt nhiệm vụ lập đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 quy hoạch cụm công nghiệp Phú Nghĩa III	
18	Cầu Đăk Mai	0.11	CLN, ONT DTL, DGT	Bù Gia Mập	300		300		Quyết định số 643/QĐ-TCĐBVN ngày 25/3/2019 của Tổng cục đường bộ Việt Nam	
b	Các dự án phát sinh mới năm 2020	64.42			3,930.00		3,930.00			

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
1	Khu dân cư và khu phức hợp - trung tâm hành chính huyện	7.00	CLN	xã Phú Nghĩa	2,100		2,100		Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 khu dân cư và khu phức hợp thương mại dịch vụ (khu 1), Trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập	
2	Mở rộng điểm trường Tiểu học Nguyễn Huệ tại thôn Sơn Trung, xã Đức Hạnh	0.12	CLN	xã Đức Hạnh	250		250		UBND huyện đang ban hành chủ trương	
3	Mở rộng diện tích UBND xã Đức Hạnh	0.60	CLN	xã Đức Hạnh	1,500		1,500		Công văn 686/UBND-SX ngày 12/9/2019 của UBND huyện Bù Gia Mập	
4	Thu hồi đất lần chiếm trạm Y tế và Trường học	0.16	CLN	xã Đức Hạnh	80		80		Công văn 675/UBND-SX ngày 10/9/2019 của UBND huyện Bù Gia Mập	
5	Nâng cấp ĐT741 đoạn từ cầu Thác Mệ đến QL14 C	20.00	CLN, ONT, DGT	xã Đức Hạnh	5,000	5,000			Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 của UBND tỉnh	
6	Dự án thành phần 03, dự án xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh	0.12	CLN, ONT, DGT	xã Bù Gia Mập	120	120			Quyết định số 643/QĐ-TCĐBVN ngày 25/3/2019 của Tổng cục đường bộ Việt Nam	
7	Hồ chứa nước thôn 6 Khắc Khoan	36.42	LUK	xã Phú Văn	70,000			70,000	QĐ số 4427/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017 bộ NNPTNT	
VII	Phú Riềng	85.17			16,105.95	9,246.72	3,600.00	3,259.23		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2017, 2018, 2019	78.37			13,902.75	9,246.72	3,600.00	1,056.03		
1	Đường GTNT Long Hưng-Phước Bình	22.40	CLN và HLLG	Xã Long Hưng, Bình Sơn	9,247	9,247			Bổ sung theo ý kiến của Sở GTVT tại KHSDĐ năm 2018	Bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất
2	Bãi rác huyện	10.00	CLN	Xã Long Tân	0					Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng
3	Khu căn cứ hậu cần kỹ thuật	30.00	CLN	Xã Long Tân	3,600		3,600		Công văn 802/BCH-TM ngày 10/10/2016 của Bộ CHQS tỉnh	
4	Nghĩa trang nhân dân xã Bình Tân	6.79	CLN	Xã Bình Tân	816			816		Bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất
5	Khu dân cư xã Long Tân	0.09	CLN	Xã Long Tân	37			37	QĐ 1907/QĐ-UBND.T ngày 04/8/2017	Bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất
6	Khu VH-TDĐT xã Long Tân	0.49	CLN	Xã Long Tân	202			202	QĐ 1907/QĐ-UBND.T ngày 04/8/2017	Bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
7	Chợ xã Long Bình	0.62	CLN	Long Bình					Công văn số 77/UBND-SX ngày 21/01/2019	
8	Trung tâm văn hóa thể thao xã Long Bình	1.63	CLN	Long Bình					Thông báo số 1293/TB-TU ngày 15/10/2018	
9	Đường ven UBND xã mới	0.08	DVH	Bù Nho					Công văn số 1017/UBND-SX ngày 18/7/2017	
10	Đường điện đi vào bãi rác huyện	6.00	CLN	Long Tân						Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng
11	Mở rộng đường GTNT xã Phước Tân vào mỏ đá Công ty TNHH Lộc Linh	0.08	CLN	Phước Tân					Giấy phép khai thác khoáng sản số 07/GP-UBND ngày 15/01/2018	Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng
12	Mở rộng đường GTNT xã Bình Tân	0.18	CLN	Bình Tân					Công văn số 37/UBND ngày 18/3/2019	Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng
13	Mở rộng đường thôn Phú Mang	0.01	CLN	Long Hà					Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng
b	Các dự án đăng ký mới năm 2020	6.80			2203.2			2203.2		
1	Đường điện Tổ 4, thôn Phú Bình	2.15	CLN	Thôn Phú Bình, xã Phú Trung	1100			1100	Thông báo số 92/TB-UBND ngày 02/5/2019 của UBND huyện Phú Riềng	Diện tích đất thuộc đất Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng
2	Đường điện tổ 5, thôn Phú Tiến	1.80	CLN	Thôn Phú Tiến	1098			1098	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
3	Đường điện Tổ 3, thôn Phú An	0.80	CLN	Thôn Phú An	5.2			5.2	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
4	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao xã Long Bình	0.20	CLN + BHK	Thôn 1, xã Long Bình					Thông báo số 1293/TB-HU ngày 15/10/2018 của Huyện UBND Phú Riềng	
5	Mở rộng tuyến đường GTNT từ cầu Long Tân - Phú Riềng đi Thôn 6, xã Long Tân	1.85	CLN	Thôn 3, xã Long Tân					Công văn số 1250/UBND-SX ngày 02/10/2019 của UBND huyện Phú Riềng	
VIII	Huyện Lộc Ninh	959.00			283,221.09	193,547.64	53,564.45	36,109.00		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2017, 2018, 2019	289.22			129,477.14	39,803.69	53,564.45	36,109.00		
1	Nhà công vụ CBCNV	0.03	CLN	Ấp 1 xã Lộc An	7			7	Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 09/03/2018 của UBND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền đền bù bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
2	Mở rộng trường MG Hòa Mi	1.00	CLN	Ấp 3 xã Lộc Thái (vị trí mới)	230		230		Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 09/03/2018 của UBND tỉnh	
3	Nhà VH ấp 4	0.30	CLN	Ấp 4 xã Lộc An	69		69		Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của UBND tỉnh	
4	Nhà Văn hoá ấp 8	0.30	CLN	Ấp 8 Xã Lộc Hòa (NT cao su)	69		69		Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 09/03/2018 của UBND tỉnh	
5	Trường Mẫu giáo và Nhà văn hóa ấp 9	1.22	CLN	Ấp 9 xã Lộc Điền	306		306		Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 09/03/2018 của UBND tỉnh	
6	Khu văn hóa thể thao	1.00	CLN	Ấp Cây Chặt xã Lộc Tấn	230		230		Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của UBND tỉnh	
7	Mở rộng tiểu học Lộc Tấn B	1.00	CLN	Ấp Thạnh Đông Lộc Tấn	230		230		Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của UBND tỉnh	
8	Đường tránh QL13	54.20	CLN	Các xã: Lộc Thiện, Lộc Hưng; Lộc Thái, Thị trấn Lộc Ninh, Lộc Tấn	14,138	14,138			Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của UBND tỉnh	
9	Đường Tuần tra biên giới	34.95	CLN, RSX, DQP	huyện Lộc Ninh	4,000			4,000	Bộ Quốc phòng đã phê duyệt dự án tại Quyết định số 730/QĐ-BQP ngày 14/3/2017	Vốn trái phiếu Chính phủ
10	Hồ chứa nước	10.00	CLN	TT. Lộc Ninh	50,000		50,000		Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của UBND tỉnh	Đang xây dựng dự toán chi tiết
11	Trạm bơm ấp Việt Quang	0.01	CLN	Xã Lộc Quang	2		2		Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của UBND tỉnh	
12	Tượng đài chiến thắng Hoa Lư	2.00	CLN	Xã Lộc Tấn	460	460			Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 09/03/2018 của UBND tỉnh	Đổi tên từ dự án Tượng đài chiến thắng Hoa Lư
13	Nâng cấp mở rộng ĐT-756	16.37	CLN, ONT	xã Lộc Quang, Lộc Phú Lộc Hiệp	4,893			4,893	QĐ số 2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND tỉnh	Vay vốn ADB
14	Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn tới Cửa khẩu Hoa Lư (dài 13 km)	8.07	CLN, ONT, LUK	xã Lộc Hòa, xã Lộc Thạnh, Lộc Tấn	7,722			7,722	Công văn số 2746/UBND- TH ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh	Vốn trung ương hỗ trợ
15	Nâng cấp mở rộng đường từ Ngã Ba Đồng Tâm -Tà Thiết	55.74	CLN, ONT, RSX	xã Lộc Thịnh, xã Lộc Thành	11,267	11,267			Thông báo số 205/TB-UBND ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh	
16	Đường tránh khu di tích Tà Thiết	8.40	RSX,CLN	xã Lộc Thịnh, xã Lộc Thành	1,260	1,260			Thông báo số 205/TB-UBND ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
17	Nâng cấp mở rộng đường Phan Chu Trinh nối QL 13 (đoạn mở mới)	1.04	CLN	Thị trấn Lộc Ninh	260		260			
18	Trạm Điện báo chiến dịch	4.96	CLN	Ấp 5 xã Lộc Tấn	0					Đất của Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh
19	Trụ sở ấp 11B mới	0.20	CLN	Ấp 11B xã Lộc Thiện	50		50			
20	Công trình trạm biến áp 110KV Hoa Lư	0.67	RSX	Xã Lộc Thạnh	133	133				
21	Đường dây 110KV nhánh rẽ đầu nối trạm 110KV Hoa Lư	0.74	CLN	Xã Lộc Thuận; Lộc Hiệp; Lộc An; Lộc Tân; Lộc Hòa; Lộc Thạnh	186	186				
22	Mở rộng đường ấp Thạnh Trung	0.23	CLN	Xã Lộc Thạnh	56		56			
23	Mở đường Trảng Đá	2.52	CLN	Ấp Trảng Đá xã Lộc Hòa	630		630			
24	Mở rộng đường ấp 9 Lộc Điền	3.50	CLN	Ấp 9 Lộc Điền	875		875			
25	Đường Sóc Bà Bom-đi Lâm trường	2.00	CLN, LUK	Xã Lộc Hòa	500		500			
26	Đường giao thông Sóc Bà Bom	0.20	CLN	Xã Lộc Hòa	50		50			
27	Hệ thống kênh tưới thuộc khu tưới hồ Bù Kal	9.80	CLN, ONT	xã Lộc Hòa, xã Lộc An	8,199			8,199	Công văn số 76a/HDND-KT ngày 31/3/2017 của HDND tỉnh	Vốn trung ương hỗ trợ
28	Hệ thống kênh tưới thuộc khu tưới hồ Suối Nuy	9.00	CLN, ONT	xã Lộc Hòa	7,530			7,530		Vốn trung ương hỗ trợ
29	Hệ thống kênh tưới thuộc khu tưới hồ Lộc Quang	4.50	CLN, ONT	xã Lộc Quang	3,765			3,765		Vốn trung ương hỗ trợ
30	Căn cứ hậu cần kỹ thuật- Ban CHQS huyện Lộc Ninh	20.08	LNC	Lộc Thuận	6,024	6,024			Quyết định số 426/QĐ-BTL ngày 13/02/2018 của Bộ tư lệnh QK7	Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh
31	Chốt dân quân biên giới xã Lộc Thịnh	3.20	RSX	Lộc Thịnh	576	576			Công văn số 3674/UBND-NC ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh	Đất do Ban QLPH Tà Thiết quản lý
32	Chốt dân quân biên giới xã Lộc Thành	4.00	RSX	Lộc Thành	720	720			Công văn số 3674/UBND-NC ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh	Đất của Ban QLPH Tà Thiết
33	Chốt dân quân biên giới xã Lộc Thiện	2.00	RSX	Lộc Thiện	360	360			Công văn số 3674/UBND-NC ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh	Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
34	Chốt dân quân biên giới xã Lộc Tấn	2.00	RSX	Lộc Tấn	360	360			Công văn số 3674/UBND-NC ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh	Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
35	Chốt dân quân biên giới xã Lộc Thạnh	6.00	RSX	Lộc Thạnh	1,080	1,080			Công văn số 3674/UBND-NC ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh	Đất do Ban QLRPH Lộc Ninh quản lý
36	Chốt dân quân biên giới xã Lộc Hòa	8.00	RSX	Lộc Hòa	1,440	1,440			Công văn số 3674/UBND-NC ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh	Đất do Ban QLRPH Lộc Ninh quản lý
37	Chốt dân quân biên giới xã Lộc An	10.00	RSX	Lộc An	1,800	1,800			Công văn số 3674/UBND-NC ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh	Đất do Binh đoàn 16-Bộ quốc phòng quản lý
b	Các dự án đăng ký mới năm 2020	669.78			153,743.94	153,743.94	0.00	0.00		
1	Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng trung tâm hành chính, khu thương mại dịch vụ, khu dân cư thị trấn Lộc Ninh	37.55	CLN	KP Ninh Thịnh thị trấn Lộc Ninh	9,763	9,763			Theo Công văn số 250/HĐTVCSVN-KHĐT của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam về việc thỏa thuận địa điểm để thực hiện quy hoạch dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng Trung tâm hành chính, Khu TMDV, khu dân cư thị trấn Lộc Ninh	Lô cao su: 280A, 280B, 280C, 288A và 288B do Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh quản lý
2	Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng trung tâm hành chính, khu thương mại dịch vụ, khu dân cư thị trấn Lộc Ninh	34.59	CLN	Áp 11 A xã Lộc Thiện	8,993	8,993			Theo Công văn số 250/HĐTVCSVN-KHĐT của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam về việc thỏa thuận địa điểm để thực hiện quy hoạch dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng Trung tâm hành chính, Khu TMDV, khu dân cư thị trấn Lộc Ninh	Lô cao su: 280A, 280B, 280C, 288A và 288B do Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh quản lý
3	Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới (tổng diện tích 21 ha)	3.57	CLN, ONT, DGT	xã Lộc Quang, Lộc Phú; Lộc Hiệp,	928	928			Theo Văn bản số 533/BQLDA-KHTH ngày 12/9/2019 về đề nghị bổ sung KHSD đất năm 2019	Đất giao thông đã có 17,43 ha
4	Trạm biến áp và đường điện 220kV Lộc Ninh - Bình Long	124.14	CLN, LUK, ONT, RSX	Qua xã Lộc Thịnh, Lộc Hưng, Lộc Thành, Lộc Thiện, Lộc Tấn	32,276	32,276			Văn bản số 89/TB-UBND ngày 19/4/2019;	Phương án giải tỏa trắng
5	Đường phía tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (tổng diện tích 176,08 ha)	29.93	CLN, ONT, DGT	xã Lộc Thiện, Lộc Thịnh; Lộc Thành, Lộc Tấn	7,783	7,783			Theo Văn bản số 533/BQLDA-KHTH ngày 12/9/2019 về đề nghị bổ sung KHSD đất năm 2019	Đất giao thông đã có 146,15 ha

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
6	Đất cho Cty TNHH TM DV Xử lý Môi trường Khai Tiến Phát xây dựng Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại, sản xuất gia công tái chế kim loại	100.00	CLN, RSX	Xã Lộc Thạnh	23,000	23,000			Văn bản số 1185/UBND-KT ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh;	
7	Cty Cổ phần du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Vcom	300.00	CLN, RSX	Xã Lộc Thạnh	69,000	69,000			Văn bản số 1185/UBND-KT ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh;	
8	Khu xử lý chất thải tập trung của huyện	40.00	RSX	Xã Lộc Thạnh	2,000	2,000			Văn bản số 1185/UBND-KT ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh;	
IX	Huyện Đồng Phú	999.01			212,861.00	150,761.00	2,750.00	59,350.00		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2017, 2018, 2019	169.61			136,401	77,101	2,750	56,550		
1	Dự án Công trình QK1	19.77	CLN	X. Tân Tiến	24,101	24,101				
2	Xây dựng công trình khu vực phòng thủ huyện	49.00	RSX	X. Tân Hòa					Căn cứ QĐ1637/QĐ-BCH ngày 26/12/2012 của Bộ CHQS tỉnh Bình Phước	
3	Dự án nâng cấp mở rộng ĐT 741	24.63	CLN	TT. Tân Phú, X. Tân Lập, X. Tân Tiến, X. Thuận Phú, X. Thuận Lợi	53,000	53,000				
4	Đường Phú Riêng Đò từ TTHC huyện đi xã Tân Tiến	0.15	ONT+CLN	TT. Tân Phú, X. Tân Tiến						
5	Đường Đồng Phú - Bình Dương	68.37	CLN+DGT+NTS+SON	Xã Tân Phước, Tân Lợi, Tân Lập, Tân Hòa, Tân Hưng, Đồng Tâm	45,000			45,000	QH đã duyệt thực hiện trong giai đoạn 2017-2020. Theo CV 235/BC-SGTVT, 11/9/2015, dài 42 km, rộng 65 m (269,92 ha) Đã thu hồi 201,55 ha trong tổng số 269,92 ha	
6	Đường tổ 8	0.01	ODT	TT. Tân Phú	500		500			
7	Đường tổ 10	0.01	ODT	TT. Tân Phú	500		500			
8	Đường vào sân bóng cũ (Đường vào Chợ mới)	0.04	CLN	X. Tân Lập	170		170			
9	Nâng cấp, mở rộng đường Cầu ông Ký đi Tổ 3, ấp Quân Y, xã Tân Lợi	3.30	CLN	X. Tân Lợi	1,080		1,080		Công văn số 2349/UBND-KT ngày 06/11/2017 của UBND huyện	
10	Đường đi Phước Sang (Phú Giáo- BD)	1.12	CLN	X. Tân Lập	4,850			4,850		
11	Mương thoát nước đường ĐT741	0.08	CLN	TT. Tân Phú	450			450		

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
12	Hạ lưu cống thoát nước QL14	0.20	CLN	X. Đồng Tiến	450			450		
13	Trụ điện của đường điện nổi dài Chơn Thành-Đồng Phú	0.38	CLN	X. Thuận Phú						
14	Mở rộng chợ Đồng Tâm	0.05	CLN	X. Đồng Tâm	500		500			
15	Khu Tái định cư đường ĐT Đồng Phú- Bình Dương	2.50	ONT,CLN	X. Đồng Tâm, X. Tân Lập, X. Tân Hưng, X. Tân Lợi, X. Tân Phước	5,800			5,800		
b	Các dự án phát sinh mới năm 2020	829.40			76,460	73,660		2,800		
1	Đường Vòng tránh Công trình QK1	0.75	CLN	Tân Tiến	1,000			1,000	Theo đề nghị của Lữ Đoàn 25/QK7 tại biên bản làm việc ngày 05/4/2019 và Công văn số 433/BCH-TM ngày 15/3/2019 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Phước	
2	Xây dựng đường kết nối ĐT 753B	11.50	CLN, ONT	Đồng Tâm, Tân Phước	6,000	6,000			Công văn số 538/BQLDA-KHTH ngày 12/9/2019 của Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Đường Đồng Tiến-Tân Phú	21.74	CLN, ONT	Đồng Tiến, Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi, TT. Tân Phú	33,050	33,050			Công văn số 538/BQLDA-KHTH ngày 12/9/2019 của Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
4	Đường kết nối các KCN phía Tây Nam Đồng Xoài	9.56	CLN, ONT	TT. Tân Phú, Tân Tiến	34,310	34,310			Công văn số 538/BQLDA-KHTH ngày 12/9/2019 của Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
5	Nâng cấp mở rộng ĐT 755	0.26	CLN, ONT	Tân Phước	300	300			Công văn số 538/BQLDA-KHTH ngày 12/9/2019 của Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
6	Mương thoát nước đường ĐT 741	0.10	CLN	Tân Tiến	450			450	Theo đề nghị của Công ty TNHH BOT ĐT 741 Bà Trư Đồng Xoài tại Công văn số 35/BTĐX-KHKT ngày 19/2/2019	Công trình phát sinh khi mở rộng đường ĐT 741
7	Mương thoát nước đường ĐT 741	0.45	CLN	Thuận Lợi	450			450		Công trình phát sinh khi mở rộng đường ĐT 741
8	Mương thoát nước đường ĐT 741	0.45	CLN	Thuận Phú	450			450		Công trình phát sinh khi mở rộng đường ĐT 741

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
9	Mương thoát nước đường ĐT 741	0.09	CLN	Tân Lập	450			450	Theo đề nghị của Công ty TNHH BOT ĐT 741 Bầu Tru Đồng Xoài tại Công văn số 35/BTĐX-KHKT ngày 19/2/2019	Công trình phát sinh khi mở rộng đường ĐT 741
10	Mở rộng KCN Bắc Đồng Phú	130.00	CLN	TT Tân Phú					Công văn số 3212/UBND-KT ngày 01/11/2019	
11	Mở rộng KCN Nam Đồng Phú	480.00	CLN	Tân Lập					Công văn số 3212/UBND-KT ngày 01/11/2020	
12	Cụm công nghiệp Tân Tiến 1	55.90	CLN	Tân Tiến					Thông báo số 2958/TB-TU ngày 07/8/2019 và Kết luận số 3005-TB/TU ngày 26/8/2019 của Tỉnh ủy	
13	Cụm công nghiệp Tân Tiến 2	56.30	CLN	Tân Tiến					Thông báo số 2958/TB-TU ngày 07/8/2019 và Kết luận số 3005-TB/TU ngày 26/8/2019 của Tỉnh ủy	
14	Cụm công nghiệp Tân Phú	62.30	CLN	thị trấn Tân Phú					Thông báo số 2958/TB-TU ngày 07/8/2019 và Kết luận số 3005-TB/TU ngày 26/8/2019 của Tỉnh ủy	
X	Huyện Bù Đốp	161.84			176,494.43	48,181.25	30,942.00	97,371.18		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2017, 2018, 2019	139.89			44,394.43	8,181.25	9,942.00	26,271.18		
1	Dự án Đường Vành đai và khu dân cư KP Thanh Bình	10.00	LUK+CLN+ONT	thị trấn Thanh Bình	20,782			20,782	QĐ số 334/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND huyện	
2	Trường PTTH Thanh Hòa	5.00	ODT	Thị trấn Thanh Bình	0				QĐ số: 2708/QĐUBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh Bình Phước	thu hồi đất Công ty Cao su, không bồi thường về đất
3	Chợ Hưng Phước	0.31	TSC	Xã Hưng Phước	0				QĐ số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của UBND tỉnh về QHSDĐ 2020	thu hồi đất Công ty Cao su, không bồi thường về đất
4	Công trình thủy lợi	5.00	CLN	Xã Tân Thành	950		950		QĐ số 2956/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Bình Phước	
5	Dự án cấp nước sạch	0.04	CLN	xã Tân Tiến	0				QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	đất xã quản lý
6	Đập thủy lợi (áp 4+5)	20.00	CLN	Xã Thanh Hòa	4,000	4,000				

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
7	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 759B đoạn từ KM 24+250 – Km40 + 500	30.88	CLN, ONT	Xã Thiện hưng, Phước Thiện, Hưng Phước	7,050		7,050		QĐ số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh Bình Phước	
8	Dự án xây dựng cầu dân sinh (dự án LRAMP)	0.16	CLN	xã Thiện Hưng	4,181	4,181				
9	Trụ sở ấp Thanh Trung	0.05	CLN	thị trấn Thanh Bình	12		12		QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	
10	Nghĩa địa xã Tân Tiến	3.30	CLN	xã Tân Tiến	0				QĐ số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của UBND tỉnh về QHSĐĐ 2020	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
11	Nhà văn hóa xã Hưng Phước	0.59	LUK	xã Hưng Phước	100		100		QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	
12	Nghĩa địa xã Hưng Phước	5.00	CLN	xã Hưng Phước	0				QĐ số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của UBND tỉnh về QHSĐĐ 2020	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
13	Trường Mẫu giáo Hưng Phước	0.30	CLN	xã Hưng Phước	0				QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
14	Trường THCS Phước Thiện	1.50	CLN	xã Phước Thiện	0				QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
15	Trường Tiểu học Thiện Hưng B	0.30	CLN	xã Thiện Hưng	0				QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
16	Trường Tiểu học Thiện Hưng C	0.57	DVH	xã Thiện Hưng	0				QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	đất xã quản lý
17	Trường TH Thanh Hòa	0.15		xã Thanh Hòa	0				QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	đất xã quản lý
18	Mở rộng trường mẫu giáo Phước Thiện	0.40	CLN	Xã Phước Thiện	0				QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
19	Nâng cấp mở rộng đường tuần tra biên giới	43.20	RPH, CLN, CQP	huyện Bù Đốp	4,000			4,000	Bộ Quốc phòng đã phê duyệt dự án tại Quyết định số 730/QĐ-BQP ngày 14/3/2017	Vốn trái phiếu Chính phủ
20	Mở rộng trường mẫu giáo Tân Tiến	0.57	CLN	Xã Tân Tiến	0				QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	đất xã quản lý

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
21	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B (Thiện Hưng đi Phước Thiện)	3.00	LNC	Xã Phước Thiện, Thiện Hưng	900		900		Quyết định số 2352/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
22	Trường mẫu giáo phước thiện	1.00	LNC	Xã Phước Thiện	300		300		QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	
23	Trường mẫu giáo Tân Tiến	1.00	LNC	Xã Tân Tiến	300		300		QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	
24	Trường mẫu giáo Hưng Phước	1.00	LNC	Xã Hưng Phước	300		300		QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	
25	Mở rộng bệnh xá Quân dân y thuộc Trung đoàn 717	0.05	LNC	xã Thiện Hưng	0				Thông báo số 125-TBKL/HU ngày 19/5/2017 của Huyện Ủy Bù Đốp	Đất công không bồi thường
26	Đồn Biên phòng Bù Đốp	6.40	CLN	Hưng Phước	1,489			1,489	Quyết định số 291/QĐ-TM ngày 06/3/2017 của Bộ Tổng tham mưu	
27	Cổng Ông nhân 1 và Ông nhân 2	0.12	CLN, ONT DTL, DGT, LUC	Thanh Hòa	30		30		Quyết định số 643/QĐ-TCĐBVN ngày 25/3/2019 của Tổng cục đường bộ Việt Nam	Chi bồi thường tài sản trên đất
b	Các dự án đăng ký mới năm 2020	21.95			132,100.00	40,000.00	21,000.00	71,100.00		
1	Điền dân cư liên kế chốt dân quân biên giới	3.00	CLN	xã Thanh Hòa, xã Thiện Hưng	800			800	QĐ số: 1152/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của UBND huyện	
2	Mở rộng căn cứ sở nhỏ xã Thanh Hòa	0.35	CLN	xã Thanh Hòa	300			300	QĐ số: 1803/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND huyện	
3	Đường Hoàng Văn Thụ nối dài	2.50	ODT; LNC; LUK	TT. Thanh Bình	21,000		21,000		QĐ số: 1281/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND huyện	
4	Hồ chứa nước Bù Tam	7.60	ONT; LNC; LUK; TSN	Hưng Phước	70,000			70,000	QĐ số 4427/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017 bộ NNPTNT	
5	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B (Trung tâm xã Phước Thiện đến cửa khẩu Hoàng Diệu)	3.00	RSX; CLN	Hưng Phước; Phước	10,000	10,000			Số 133/HĐND-KT ngày 01/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước	
6	Đường Hùng Vương Nối Dài	2.50	LUK; CLN; ODT	TT. Thanh Bình	10,000	10,000			Công văn số 93/TT-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện trình UBND huyện	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
7	Đường Nguyễn Lương Bằng Nối dài	3.00	LUK; CLN; ODT	TT. Thanh Bình	20,000	20,000			Công văn số 93/TTr-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện trình UBND huyện	
XI	Huyện Bù Đăng	476.66			398,200.00	130,200.00	44,200.00	223,800.00		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2017, 2018, 2019	164.77			130100	104000	23100	3000		
1	Trụ sở công an huyện mới	7.00	CLN	Xã Đoàn Kết	10,000		10,000		Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Năm 2017
2	Trường mẫu giáo Hoa Sen	0.20	CLN; ONT	Xã Đoàn Kết	400		400		Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Năm 2017
3	Mở rộng Trường Tiểu học Kim Đồng	0.85	CLN; ONT	Xã Đức Liễu	1,000		1,000		Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Năm 2017
4	Đường liên xã từ thôn Sơn Lập đi xã Đồng Nai	1.31	CLN	Xã Thọ Sơn	1,500		1,500		Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Năm 2017
5	Nâng cấp ĐT755 (Đức Phong - Lam Sơn - QL.14)	35.00	CLN; ODT; ONT	TT. Đức Phong, Xã Nghĩa Trung, Thống Nhất	25,000	25,000			Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Năm 2018
6	Cụm CN Minh Hưng 2	32.70	CLN	Xã Minh Hưng	3,000		3,000		Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	Năm 2018
7	Đất đường điện 210KV	0.64	CLN	Xã Minh Hưng	1,000			1,000	Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	Năm 2018
8	Đường GTNT QL14 đi Lam Sơn	19.60	CLN; ONT	Xã Nghĩa Trung, Thống Nhất	18,000	18,000			Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Năm 2018
9	Mở rộng THCS Thọ Sơn	0.06	CLN	Xã Thọ Sơn	200		200		Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	Năm 2018
14	Xây dựng mới Mẫu giáo Sơn Ca	1.00	CLN	Xã Thống Nhất	1,200		1,200		Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	Năm 2018
15	Thu hồi mở rộng chợ Bù Đăng	0.10	TMD; ODT	TT. Đức phong	4,000		4,000		Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện Bù Đăng	Năm 2019

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
17	Bãi rác xã Bình Minh	2.18	CLN	Xã Bình Minh	1,800		1,800		Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện Bù Đăng	Năm 2019
18	Hồ chứa nước Đaou2	24.23	CLN, ONT	Xã Nghĩa Bình	24,000	24,000			Quyết định số: 4427/QĐ-BNN-XD, ngày 30/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Năm 2019
19	Hồ chứa nước Đarana	37.30	CLN; HNK	Xã Đức Liễu	37,000	37,000			Quyết định số: 4427/QĐ-BNN-XD, ngày 30/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Năm 2019
20	Đường điện đầu nối thủy điện Đức Thành	2.60	CLN	Xã Minh Hưng	2,000			2,000		Năm 2019
b	Các dự án đăng ký mới năm 2020	311.89			268100.00	26200.00	21100.00	220800.00		
1	Trụ sở xã Bom Bo	1.00	CLN	Xã Bom Bo	500		500		Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện Bù Đăng	Năm 2020
2	Nâng cấp, mở rộng ĐT.753B kết nối đường Đồng Phú - Bình Dương	13.30	CLN; ONT; DGT(10,6ha)	Xã Nghĩa Trung	10,000	10,000			Quyết định số 2820/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh	Năm 2020
3	Nâng cấp, mở rộng ĐT.755 từ TT. Đức Phong đi Lam Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	21.60	CLN; ONT; DGT(17,9ha)	Xã Nghĩa Trung, Thống Nhất	16,000	16,000			Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	Năm 2020
4	Xử lý sạt lở, đảm bảo giao thông khẩn cấp đoạn Km16+000 đến Km21+369 đường Sao Bông - Đăng Hà (phần bổ sung hạ lưu công và gia cố taluy)	0.14	CLN	Xã Thống Nhất	200	200			Quyết định số 2301/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của UBND tỉnh	Năm 2020
5	Trạm biến áp 110kv Đức Liễu và đường dây	0.75	CLN	Đức Liễu	800			800	Quyết định số 886/QĐ/BCT ngày 17/3/2017 của Bộ Công thương và Công văn số 1780/CPBP-KT ngày 04/7/2019 của Điện lực Bình Phước	Năm 2020
6	Nhà máy thủy điện Thống Nhất	24.90	CLN	Xã Thống Nhất	20,000			20,000	Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của UBND tỉnh Bình Phước	Năm 2020
7	Dự án đầu tư trong ngành điều của Tập đoàn Mekong Châu Âu (MCE)	200.00	CLN	Xã Đức Liễu	200,000			200,000	Công văn số 2287/UBND-TH về việc lập dự án xúc tiến đầu tư thương mại trong ngành điều ở tỉnh Bình Phước và xây dựng thương hiệu quốc tế hạt điều Bình Phước	Năm 2020

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
8	Cụm CN Minh Hưng 1	40.00	CLN	Xã Minh Hưng	4,000		4,000		Căn cứ Quyết định số: 420/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.	Năm 2020
9	Trụ sở Huyện ủy, Tòa án, Công an huyện	8.00	CLN	TT. Đức phong	15,000		15,000		Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện Bù Đăng	Năm 2020
10	Đường điện dân sinh qua thôn 4, thôn 7	1.50	CLN	Xã Minh Hưng	300		300		Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện Bù Đăng	Năm 2020
11	Mở rộng trường THCS Thống Nhất	0.30	CLN	Xã Thống Nhất	300		300		Đăng ký mới năm 2019	Năm 2020
12	Đường vành đai nhà văn hóa thiếu nhi	0.40	CLN	TT. Đức phong	1,000		1,000		Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện Bù Đăng	Năm 2020
379	Tổng cộng	13,713.90			9,386,514.25	1,745,866.14	863,446.90	6,776,601.21		

Ghi chú (*):

CLN: Đất trồng cây lâu năm

RSX: Đất trồng rừng sản xuất

ONT: Đất ở tại nông thôn

ODT: Đất ở tại đô thị

TSC: Đất xây dựng trụ sở cơ quan

TON: Đất cơ sở tôn giáo

DGD: Đất cơ sở giáo dục đào tạo

DGT: Đất giao thông

NTS: Đất nuôi trồng thủy sản

SON: Đất sông suối và MNCD

SKK: Đất Khu công nghiệp

MNC: Đất mặt nước chuyên dùng

DCH: Đất chợ

RDD: Đất rừng đặc dụng

DYT: Đất y tế

HNK: Đất trồng cây hành năm khác



Phụ lục 02: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ 03 NĂM CHƯA THỰC HIỆN
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 2/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Tên dự án	Diện tích thực hiện (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn (DN ứng vốn, vốn TW...)		
I	Thành phố Đồng Xoài	19.81							
1	Mở rộng đường vào và khuôn viên bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Bình Phước	0.11	ODT	Tân Thiện	172	172		Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 10/11/2008 của UBND tỉnh; Văn bản số 248/BQLDA-KHTH ngày 17/8/2018 của Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Trường THCS chất lượng cao và khu dân cư, dịch vụ hỗn hợp tại phường Tân Thiện	19.70	CLN+ODT	Tân Thiện	59100	59100		Quyết định 2690/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 và Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã	
II	Thị xã Bình Long	11.53							
1	Mương từ đường bê tông đến đường Đoàn Thị Điểm - ĐT 752	0.04	CLN	Phường An Lộc	18	18		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
2	Đường Bùi Thị Xuân nối dài (320m)	0.34	CLN, HNK	Phường An Lộc	99	99		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
3	Chợ Thanh Lương	0.79	CLN	Xã Thanh Lương	174	174		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
4	Trường PTTH Nguyễn Huệ	6.00	CLN	Xã Thanh Phú	1,320	1,320		Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017	
5	Đường Thanh Xuân - Thanh Sơn (2000m)	1.20	CLN	Xã Thanh Phú	264	264		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
6	Đường giao thông và khuôn viên cây xanh	0.50	CLN	Phường An Lộc	0			Thửa số 444, tờ 1	
7	Đường giao thông và khuôn viên cây xanh	0.66	CLN	Phường Hưng Chiến	0			Thửa số 9, tờ 54; thửa số 29, tờ 55	
8	Trung tâm Văn hóa xã Thanh Phú	2.00	CLN	Xã Thanh Phú	550	550			
III	Huyện Chơn Thành	54.80			28,496.0		28,496.0		
1	Đường N9 nối dài đến đường số 7 (đường N3 quy hoạch)	19.84	ODT+CLN	TT. Chơn Thành	14,512.0		14,512.0		

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn (DN ứng vốn, vốn TW...)		
2	Đất SXKD khu mở rộng Minh Hưng - Hàn Quốc	5.00	CLN	Xã Minh Hưng	2,000.0			2,000.0		
3	Khu đất tạo vốn đối ứng dự án đường Minh Hưng - Đồng Nơ	16.00	CLN	Xã Minh Hưng	6,400.0			6,400.0		
4	Khu đất tạo vốn đối ứng dự án đường Minh Hưng - Đồng Nơ	13.96	CLN	Xã Thành Tâm	5,584.0			5,584.0		
IV	Huyện Bù Gia Mập	166.08								
1	Điểm trường mẫu giáo Đức Hạnh (Bù Kroai)	0.30	CLN	xã Đức Hạnh	100		100		Quyết định 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 (QHSDĐ đến năm 2020)	
2	Bãi rác thôn 4	4.00	CLN	xã Đa Kì	1000		1000		QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDĐ đến năm 2020	
3	Đường vào nhà văn hóa thôn Đăk Á	0.02	CLN	xã Bù Gia Mập					Đã được thông qua tại Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
4	Nhà Văn hóa thôn Đăk Á	0.10	CLN	xã Bù Gia Mập					Đã được thông qua tại Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
5	Hồ thủy lợi Thôn Bình Hà 2	80.00	CLN	xã Đa Kì					Đã được thông qua tại Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
6	Nhà văn hóa thôn 1	0.07	DGD	Xã Bình Thắng	0				QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDĐ đến năm 2020	
7	Hồ Thủy lợi Bình Hà 2	80.00	CLN	Xã Đa Kì	40,000			40,000	Quyết định số 1072/QĐ-BNN-KH ngày 30/3/2017	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn (DN ứng vốn, vốn TW...)		
8	Nhà văn hóa thôn 9	0.12	CLN	Xã Đăk Ô	0				CV 124/UBND-KT ngày 30/8/2016	
9	Trường Tiểu học TT Phú Nghĩa (C13)	1.13	CLN	Xã Phú Nghĩa	0				Quyết định 336/QĐ-UBND ngày 15/2/2017 phê duyệt KH SDD năm 2017 của huyện Bù Gia Mập	
10	Nhà văn hóa thôn 3	0.04	DGD	Xã Phú Văn	0				QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	
11	Đường thôn 2-thôn 3	0.12	CLN	Xã Phú Văn	60			60	CV 2095/UBND-KTN ngày 03/7/2015 của UBND tỉnh	
12	Đường D19 khu TTHC	0.18	CLN	Xã Phú Nghĩa	0				QĐ 1907/QĐ-UBND ngày 4/8/2018	
V	Huyện Phú Riềng	34.99								
1	Bãi rác xã Bình Tân	1.50	CLN	Xã Bình Tân	0					
2	Khu căn cứ hậu cần kỹ thuật	30.00	CLN	Xã Long Tân	3,600		3,600		Công văn 802/BCH-TM ngày 10/10/2016 của Bộ CHQS tỉnh	
3	Khu dân cư xã Long Tân	0.09	CLN	Xã Long Tân	37			37	QĐ 1907/QĐ-UBND.T ngày 04/8/2017	
4	Khu VH-TDTT xã Long Tân	0.49	CLN	Xã Long Tân	202			202	QĐ 1907/QĐ-UBND.T ngày 04/8/2017	
5	UBND xã Phú Trung (mới)	2.00	CLN	xã Phú Trung						
6	MR NVH thôn Phú Tín	0.04	CLN	xã Phú Trung						
7	Giao đất chỉ huy tìn lành Phú Mang 1	0.50	CLN	xã Long Hà						
8	Giao đất giáo xứ Phú Riềng	0.21	CLN	xã Phú Riềng						
9	NVH thôn Bình Hiếu	0.08	CLN	xã Bình Tân						
10	NVH thôn Hiếu Phong	0.08	CLN	xã Bình Tân						
VI	Huyện Đồng Phú	23.21								

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn (DN ứng vốn, vốn TW...)		
1	Hồ Tân Lợi	23.21	CLN	X. Tân Lợi					Thực hiện theo QĐ số 3195, 13/11/2009 của UBND tỉnh BP.	
VII	Huyện Bù Đốp	12.60								
1	Mở rộng trường mẫu giáo Phước thiện	0.60	LNC	Phước Thiện					QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	
2	Di dời trường THCS Phước Thiện	1.00	LNC	Phước Thiện					QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	
3	Mở rộng trường mẫu giáo Hưng Phước	0.20	LNC	Hưng Phước					QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	
4	Mở rộng trường THCS Hưng Phước	0.50	LNC	Hưng Phước					QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	
5	Sân vận động Phước thiện	2.00	LNC	Phước Thiện					QĐ số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của UBND tỉnh về QHSĐĐ 2020	
6	Nghĩa địa Hưng Phước	5.00	LNC	Hưng Phước					QĐ số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của UBND tỉnh về QHSĐĐ 2020	
7	Nghĩa địa Tân Tiến	3.30	LNC	Tân Tiến					QĐ số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của UBND tỉnh về QHSĐĐ 2020	
VIII	Huyện Bù Đăng	472.59								
1	Căn cứ hậu phương	30.00	CLN	Xã Thống Nhất						
2	Trường bản	61.20	HNK, CLN	Xã Đoàn Kết						
3	Trụ sở công an phòng cháy chữa cháy	1.27	CLN	TT. Đức Phong						
4	Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng sóc Bơm Bơ	11.36	CLN, ONT	Xã Bình Minh						

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn (DN ứng vốn, vốn TW...)		
5	Mở rộng, nâng cấp Đường vào xã Đồng Nai	10.85	ONT, CLN	Xã Đồng Nai, Thọ Sơn, Đoàn Kết						
6	Phim trường Trảng cỏ Bù Lạch	345.29	RSX	Xã Đồng Nai						
7	Mở rộng Trường THPT Lương Thế Vinh	1.51	CLN	Xã Bom Bo						
8	Mở rộng chợ Bù Na	1.47	ONT, CLN	Xã Nghĩa Trung						
9	Mở rộng mẫu giáo Hoa Cúc	0.45	CLN	Xã Đăng Hà						
10	Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ	1.20	CLN	Xã Đức Liễu						
11	Mở rộng nghĩa trang nhân dân huyện	2.12	CLN	Xã Đoàn Kết						
12	Nghĩa địa xã Đak Nhau	1.99	CLN	Xã Đak Nhau						
13	Cải tạo suối Đak Woa	0.54	CLN	TT. Đức Phong						
14	Khu trung tâm hành chính xã Đak Nhau	2.26	CLN, ONT	Xã Đak Nhau						
15	Mở rộng Trường THCS Nghĩa Trung	0.50	CLN	Xã Nghĩa Trung						
16	Trung tâm thương mại xã Nghĩa trung	0.58	CLN	Xã Nghĩa Trung						
IX	Huyện Hớn Quản	101.21								
1	Nhà văn hóa ấp 7	0.20	CLN	Xã An Khương	72.00		72.00			
2	Mở rộng nghĩa địa ấp 3	1.00	CLN	Xã Đồng Nơ	800		800		Biên bản ngày 16/10/2017 giữa Công ty TNHH MTV cao su Bình Long và UBND huyện	
3	Trường Tiểu học ấp Đồng Tân	2.00	CLN	Xã Đồng Nơ						
4	Văn phòng ấp Đồng Tân	0.50	CLN	Xã Đồng Nơ						
5	Nhà văn hóa ấp 1B	0.30	CLN	Xã Minh Đức	180.00		180.00			
6	Nhà văn hóa ấp Đồng Dầu	0.30	CLN	Xã Minh Đức	180.00		180.00			
7	Cụm công nghiệp Lê Vy	20.00	CLN, ONT	Thị trấn Tân Khai	102,500.00			102,500.00		
8	Nhà văn hóa ấp 4	0.70	CLN	Xã Tân Quan	252.00		252.00			
9	Trường cấp I, II Bù Dinh	0.46	CLN	Xã Thanh An	204.00		204.00			
10	Trường mẫu giáo Thanh An	0.32	CLN	Xã Thanh An	256.00					

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn (DN ứng vốn, vốn TW...)		
11	Xây dựng chợ	0.12	CLN	Xã Thanh Bình	144.00					
12	GPMB Làm đối ứng đường M-Hung Đ-Nơ	47.95	CLN	Xã Thanh Bình	38,360.00	38,360.00				
13	Nhà văn hóa ấp 1	0.18	CLN	Xã Đồng Nơ	64.80		64.80			
14	Nhà văn hóa ấp 3	0.50	CLN	Xã Đồng Nơ	180.00		180.00			
15	Nhà văn hóa ấp 5	0.50	CLN	Xã Đồng Nơ	180.00		180.00			
16	Nhà văn hóa ấp Tổng Cui Nhỏ	0.20	CLN	Xã Phước An	72.00		72.00			
17	Đường điện tổ trung, hạ thế	1.70	CLN	Xã Tân Hưng	1,360		1,360		Công văn số 119/UBND-KSX ngày 03/10/2018 của UBND huyện	
18	Bãi rác Tân Hưng	2.00	CLN	Xã Tân Hưng	1,600		1,600			
19	Trường Tiểu học Tân Hưng B	2.00	CLN	Xã Tân Hưng	1,600		1,600		Biên bản ngày 16/10/2017 giữa Công ty TNHH MTV cao su Bình Long và UBND huyện	
20	Đường Tân Khai đi Cầu Huyện ủy	3.65	CLN, LUA	Thị trấn Tân Khai	10,950.00					
21	Nhà Văn hóa ấp 5	0.07	NDT	Thị trấn Tân Khai						
22	Khu dân cư trước Trường Nguyễn Hữu Cánh	3.00	CLN	Thị trấn Tân Khai						
23	Nhà Văn hóa ấp 2	0.05	CLN	Thị trấn Tân Khai	150.00					
24	Nhà Văn hóa ấp 3	0.05	CLN	Thị trấn Tân Khai	150.00					
25	Nhà Văn hóa ấp 4	0.05	CLN	Thị trấn Tân Khai	150.00					
26	Khu trung tâm xã Tân Lợi	11.50	CLN	Xã Tân Lợi	6,900.00		6,900.00			
27	Mở rộng trụ sở UBND xã Tân Lợi	0.17	CLN	Xã Tân Lợi	102.00		102.00			
28	Nhà văn hóa ấp Ân Lợi	0.41	ONT	Xã Tân Lợi	492.00					
29	Nhà văn hóa ấp Bà Lành	0.10	DGD	Xã Tân Lợi						
30	Nhà văn hóa ấp Hưng Thạnh	0.15	CLN	Xã Tân Lợi	105.00					
31	Nhà văn hóa ấp Núi Gió	0.15	DGD	Xã Tân Lợi						

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn (DN ứng vốn, vốn TW...)		
32	Nhà văn hóa ấp Phú Miếng	0.15	ONT	Xã Tân Lợi	150.00					
33	Nhà văn hóa ấp Quán Lợi A	0.10	CLN	Xã Tân Lợi	80.00					
34	Văn phòng ấp Sóc Trào A	0.15	CLN	Xã Tân Lợi	105.00					
35	Mở rộng Trường THCS Phước An	0.53	CLN	Xã Phước An	424.00		424.00			
X	Huyện Lộc Ninh	34.38								
1	Căn cứ Hậu cần	20.08	CLN	xã Lộc Thuận	6,024	6,024			QĐ phê duyệt KHSD đất năm 2016	
2	Chốt dân quân biên giới xã Lộc Thành	4.00	RSX	Lộc Thành	720		720		QĐ phê duyệt KHSD đất năm 2016	
3	Chốt dân quân biên giới xã Lộc Thiện	2.00	RSX	Lộc Thiện	360		360		QĐ phê duyệt KHSD đất năm 2016	
4	Chốt dân quân biên giới xã Lộc Tấn	2.00	RSX	Lộc Tấn	360		360		QĐ phê duyệt KHSD đất năm 2016	
5	Chốt dân quân biên giới xã Lộc Thạnh	6.00	RSX	Lộc Thạnh	1,080		1,080		QĐ phê duyệt KHSD đất năm 2016	
6	Trường Mẫu giáo Sao Sáng	0.30	CLN	xã Lộc Thuận	90		90		QĐ phê duyệt KHSD đất năm 2016	
TỔNG		829.99								